TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Chí Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 2001

Địa chỉ: ấp 4 xã L huyện C tỉnh Long An

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp D xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Nguyễn Văn K đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 18/11/2019. Sau khi cưới bà và ông K thuê nhà trọ sống chung tại ấp A xã L huyện C. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc

đến khoảng tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông K có quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 11/2023 bà và ông K không còn sống chung với nhau nữa, bà thuê nhà trọ khác sống. Từ đó đến nay bà và ông K cũng có gặp nhau nhưng bà không có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: bà và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày: 07/9/2018, về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông K không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Nguyễn Văn K vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh P – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày: 07/9/2018, giao con chung cho bà Lê Thị Ngọc H được nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Lê Thị Ngọc H cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà H, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Ông K cư trú tại xã L huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã L xác nhận ông Nguyễn Văn K có

đăng ký thường trú tại xã L, huyện C hiện đang sinh sống tại địa phương. Do đó Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K, ông K đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, thấy rằng: bà H và ông K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2019 nên hôn nhân của bà H và ông K là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là ông K có quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 11/2023 bà H và ông K không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay bà H và ông K cũng có gặp nhau nhưng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về phía ông K, từ khi bà H nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H nhưng ông K cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông K không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà H đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp.

[3] Về con chung: bà H và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày: 07/9/2018. Về con chung sau khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, cuộc sống của con chung đang ổn định, phát triển bình thường. Ông K đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu về nuôi con của bà H nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của bà H và ông K được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi bà H và ông K ly hôn, cần giao con chung cho bà H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Lê Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con do đó ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị Ngọc H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày: 07/9/2018 cho bà Lê Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ngọc H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010091 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm